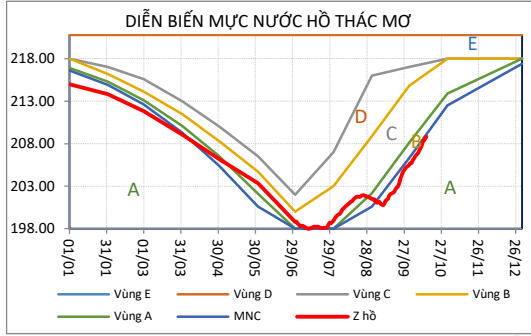


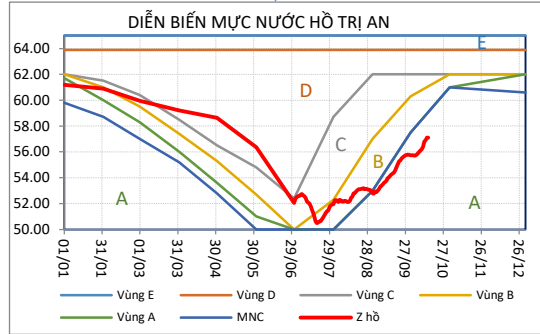
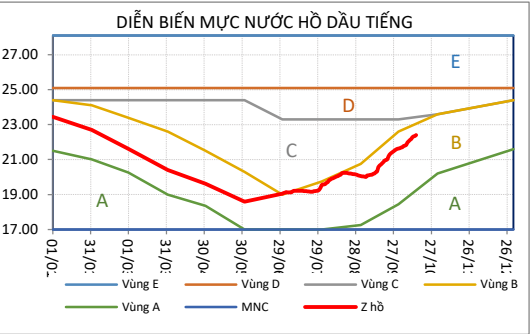
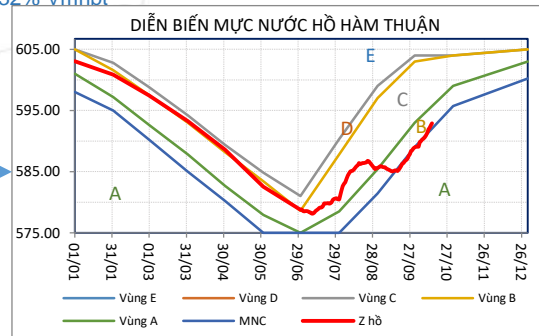
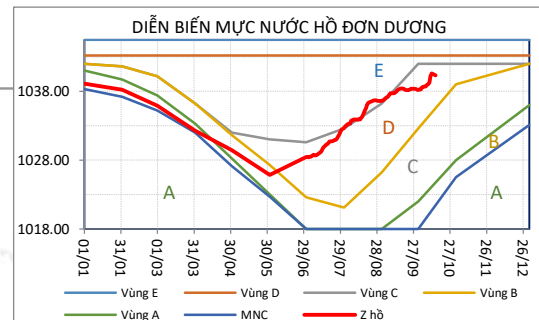
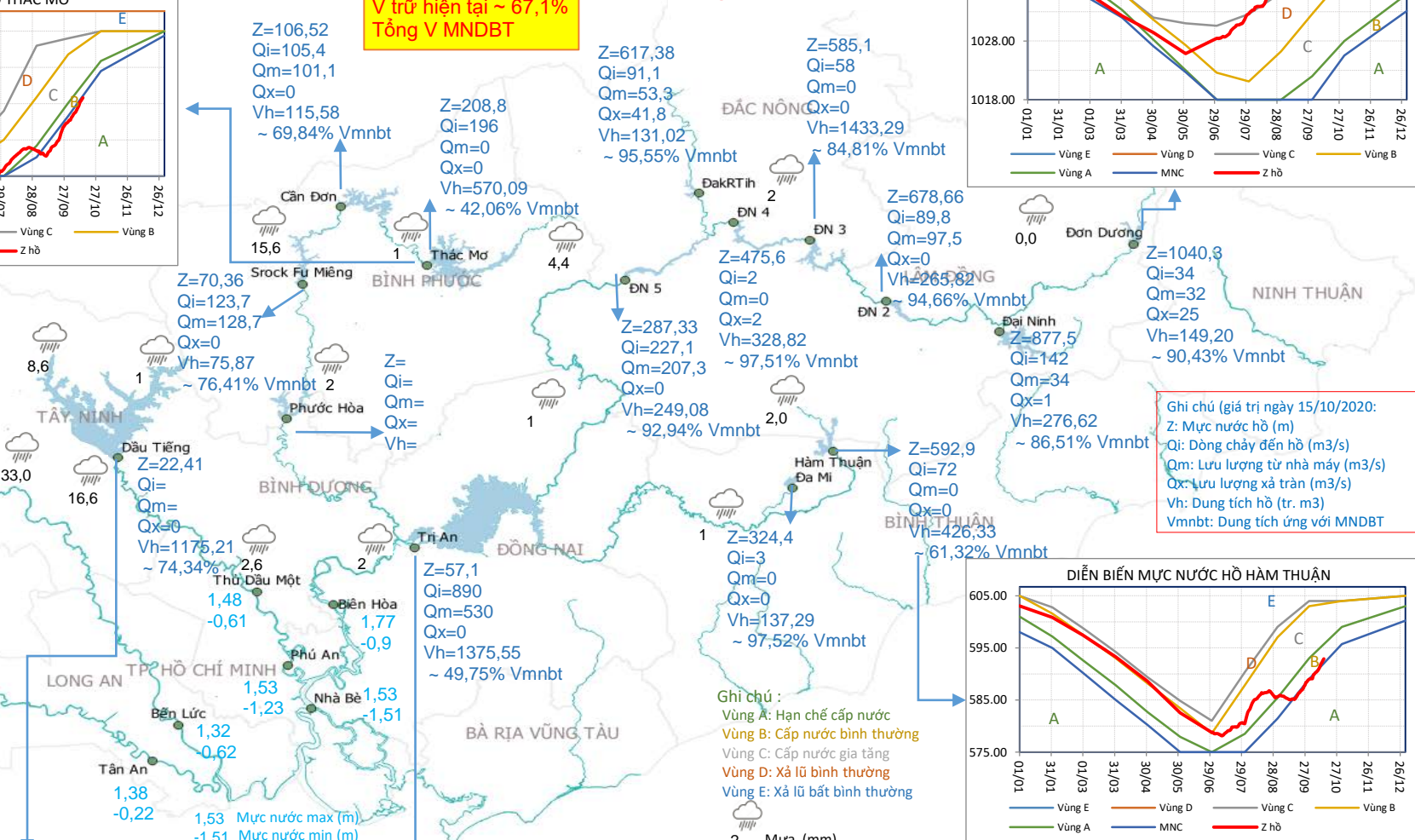
BẢN TIN DỰ BÁO LŨ HỆ THỐNG HỒ CHỨA TRÊN LƯU VỰC SÔNG ĐỒNG NAI

Ngày 15/10/2020



V trữ hiện tại ~ 67,1%
Tổng V MNCBT

	Dầu Tiếng	Phước Hoà	Srock Fu Miêng	Cần Đơn	Thác Mơ	Đặc trưng
MNGC(m)	26,92	48,25	73,60	111,44	220,80	MNGC(m)
MNBT(m)	24,40	42,90	72,00	110,00	218,00	MNBT(m)
MNC(m)	17,00	42,50	70,00	104,00	198,00	MNC(m)
Vpl(tr.m3)	162,40	160,16	29,30	67,24	312,82	Vpl(tr.m3)
Vhi(tr.m3)	1110,80	11,97	28,57	79,87	1238,67	Vhi(tr.m3)
Vc(tr.m3)	470,00	86,23	70,73	85,62	116,68	Vc(tr.m3)
Qxá(m3/s)	2.800	7.300	6.153	5.287	3.539	Qxá(m3/s)
Qnm(m3/s)	60,00	75,00	302,00	2.688,00	1.866,00	Qnm(m3/s)



Đặc trưng	Đa Nhim	Đại Ninh	Đồng Nai 2	Đồng Nai 3	Đồng Nai 4	Đàk R.Tiê thượng	Đồng Nai 5	Trị An	Hàm Thuận	Đa Mi
MNGC(m)	1044,60	882,60	681,61	593,24	479,24	619,53	290,74	63,90	606,70	327,40
MNBT(m)	1042,00	880,00	680,00	590,00	476,00	618,00	290,00	62,00	605,00	325,00
MNC(m)	1018,00	860,00	675,00	570,00	474,00	603,00	275,00	50,00	575,00	323,00
Vpl(tr.m3)	11,44	53,78	21,28	188,16	329,34	15,06	110,74	642,38	45,36	16,65
Vhi(tr.m3)	155,14	251,73	55,90	891,48	16,70	101,81	106,30	2546,70	522,50	11,62
Vc(tr.m3)	9,86	68,04	224,90	798,58	320,50	35,31	161,70	218,03	172,73	129,16
Qxá(m3/s)	4.301	6.000	8.663	10.188	10.188	2.330	11.300	18.700	4.500	820
Qnm(m3/s)	24,00	52,00	137,00	215,00	221,00	50,00	294,00	880,00	136,00	137,00